

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-PT

Ngày 16 tháng 4 năm 2026.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Quốc Thành;

Các Thẩm phán: bà Lê Thu Hương và bà Lê Thị Dung (HS).

- **Thư ký phiên tòa:** bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:**

bà Lê Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 11/2026/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Do có kháng cáo của nguyên đơn chị Phạm Thị Việt V đối với Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 16/2026/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Phạm Thị Việt V**, sinh năm 1992.

Số căn cước công dân: 051192005010. Địa chỉ: số A đường P, phường N, tỉnh Quảng Ngãi (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: anh **Bùi Văn X**, sinh năm 1992.

Số căn cước công dân: 038092016717. Địa chỉ: thôn Q, xã T, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

* Người kháng cáo: nguyên đơn chị Phạm Thị Việt V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Việt V trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh Bùi Văn X kết hôn tự nguyện. có đăng ký kết hôn ngày 08/04/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã S, tỉnh Quảng Ngãi). Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc có trách nhiệm với nhau nhưng dần về sau có sự rạn nứt tình

cảm, phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân bắt nguồn từ việc vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Chị và anh X đã ly thân được hơn 05 năm. Nay chị xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn, hạnh phúc đã thật sự tan vỡ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn X.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Đức D, sinh ngày 29/6/2016 và cháu Bùi Phạm Ngọc Á, sinh ngày 07/3/2021. Từ khi vợ, chồng sống ly thân, hai con ở với chị được chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh X về quê nội (Thanh Hoá) sinh sống không quan tâm đến vợ và các con. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và cháu Á, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản và công nợ chung: chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn anh Bùi Văn X trình bày:

- Về hôn nhân: anh và chị Phạm Thị Việt V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn theo chị V trình bày là đúng. Anh và chị V đã sống ly thân từ đầu 2022 đến nay, anh về quê ở cùng với mẹ tại Thôn Q, xã T, tỉnh Thanh Hóa, còn chị V ở cùng bố mẹ đẻ tại phường N, tỉnh Quảng Ngãi. Nay chị V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn với chị V.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Đức D, sinh ngày 29/6/2016 và cháu Bùi Phạm Ngọc Á, sinh ngày 07/3/2021. Từ khi sống ly thân 2 cháu ở với chị V tại phường N, tỉnh Quảng Ngãi. Thời gian đầu anh vẫn quan tâm chăm sóc con nhưng sau đó do phát sinh mâu thuẫn nên chị V chặn liên lạc với anh. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, giao cháu Á cho chị V nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Anh X trình bày hiện nay chị V làm công nhân đang ở chung với bố, mẹ đã cao tuổi và các em trong một nhà nên việc nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con sẽ rất vất vả, còn anh sinh sống cùng mẹ đẻ tại địa phương, có chỗ ở ổn định, quá trình nuôi con có sự hỗ trợ của gia đình. Anh làm nghề xây dựng, có công việc và thu nhập ổn định tại địa phương với mức thu nhập bình quân là 400.000 đồng/ngày nên đủ điều kiện trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản và công nợ chung: Anh X cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 16/2026/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá đã Quyết định: căn cứ vào các Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về hôn nhân: xử cho chị Phạm Thị Việt V được ly hôn anh Bùi Văn X. Về con chung: giao cháu Bùi Đức D, sinh ngày 29/6/2016 cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Phạm Ngọc Á, sinh ngày

07/3/2021 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Chị Phạm Thị Việt V và anh Bùi Văn X có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Ngoài ra Bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 02 năm 2026, chị Phạm Thị Việt V có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm số 16/2026/HNGĐ-ST ngày 06/02/2026 của Toà án nhân dân Khu vực 7- Thanh Hóa. Không chấp nhận giao cháu Bùi Đức D cho anh Bùi Văn X trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị Việt V không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử (HĐXX) đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa phúc thẩm. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Thanh Hóa đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS quyết định theo hướng: không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Phạm Thị Việt V. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 16/2026/HNGĐ-ST ngày 06/02/2026 của Toà án nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa. Chị V phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên, quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự không thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết.

[2] Xét về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 và 276 BLTTDS. Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt, không rút

đơn kháng cáo, không rút đơn khởi kiện. Vì vậy, kháng cáo của nguyên đơn được xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của chị Phạm Thị Việt V về yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: chị Việt V và anh X có 02 con chung là cháu Bùi Đức D, sinh ngày 29/6/2016 và cháu Bùi Phạm Ngọc Á, sinh ngày 07/3/2021. Trong thời kỳ hôn nhân, cả hai bên đều có tình cảm và trách nhiệm đối với con chung, sau khi ly hôn cả hai bên đều mong muốn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu D có nguyện vọng được ở với mẹ. Tuy nhiên HĐXX nhận thấy cháu D đang còn quá nhỏ, nguyện vọng ở với bố hay mẹ đang còn cảm tính. Việc lấy ý kiến nguyện vọng của con từ 07 tuổi trở lên nói chung cũng như ý kiến của cháu D nói riêng chỉ là một trong những yếu tố để Tòa án tham khảo trong quá trình giải quyết vụ án, không hoàn toàn là ý kiến mang tính quyết định. Tại cấp phúc thẩm cả anh X và chị V đều xin được nuôi cháu D, đây là nguyện vọng cũng như là quyền và nghĩa vụ chính đáng của bố, mẹ đối với con. Để giao cháu D cho ai nuôi dưỡng HĐXX cần phải xem xét đầy đủ các điều kiện hiện tại của anh X, chị V nhằm đảm bảo cho các cháu có điều kiện phát triển tốt nhất sau khi anh, chị ly hôn.

Theo chứng cứ mà các đương sự cung cấp, hiện tại chị V đang làm công nhân với mức thu nhập trung bình khoảng 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng mỗi tháng, chị và các con đang ở chung cùng bố, mẹ đẻ và các anh chị em của chị. Trong khi đó, anh X làm nghề xây dựng, có công việc và thu nhập ổn định tại địa phương với mức thu nhập bình quân là 400.000 đồng/ngày, cũng có đủ điều kiện về thời gian, môi trường sống và sự hỗ trợ từ gia đình để trực tiếp chăm sóc con. Đối với cháu D, đang ở độ tuổi cần điều kiện học tập, sinh hoạt ổn định lâu dài, việc giao cháu D cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng sẽ bảo đảm tốt hơn các điều kiện về vật chất, học tập và phát triển trong giai đoạn hiện nay. Với cháu Ngọc Á, đang còn quá nhỏ lại là con gái, cần có sự gắn bó mật thiết với mẹ, phù hợp tâm sinh lý của con hơn, nên để chị V trực tiếp chăm sóc cháu là phù hợp.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hoàn cảnh thực tế, điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung của các bên đương sự giao cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Đức D. Giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Phạm Ngọc Á là có căn cứ và phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị V cho rằng công việc của anh X không ổn định đang còn nhiều khoản nợ, không có đủ điều kiện nuôi con (đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ), tuy nhiên chị không đưa ra được căn cứ chứng minh anh X không có khả năng nuôi dưỡng cháu D nên kháng cáo của chị V là không có cơ sở chấp nhận.

Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ anh X không đảm bảo được cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cháu D, chị V có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con bằng vụ án khác.

Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của nguyên đơn chị Phạm Thị Việt V không có cơ sở để chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa đề nghị HĐXX giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí: Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên chị Phạm Thị Việt V phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 28; Điều 38 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Phạm Thị Việt V. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 16/2026/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa về nuôi con chung, cụ thể:

Giao cháu Bùi Đức D, sinh ngày 29/6/2016 cho anh Bùi Văn X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi Phạm Ngọc Á, sinh ngày 07/3/2021 cho chị Phạm Thị Việt V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh X và chị V có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Án phí phúc thẩm: chị Phạm Thị Việt V phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do kháng cáo không được chấp nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001946 ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Thị hành án Dân sự tỉnh Thanh Hoá.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND; VKSND khu vực 7 -TH;
- THADS Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Quốc Thành